TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/HS-ST
Ngày 23-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đình Tuấn

Bà Triệu Thu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, Thông báo chuyển ngày xét xử số 13/2026/TB-TA ngày 14 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Thu T, sinh ngày 05/8/1980 tại tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Số B Phố M, phường T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện tại: Số A, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T1 và bà Lý Thị C (đã chết); chồng: Chu Văn L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử lý hành chính, chưa từng bị xử lý kỷ luật; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2025 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số C, tổ B, khối G, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Phương Thị N1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số G, Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Bùi Kim T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Vân K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A B, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1973; địa chỉ: số C, đường L, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2025, Phòng C2 Công an tỉnh L nhận được Đơn tố giác Trần Thu T có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với nhiều người bằng hình thức cho vay "bát họ".

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thu T khai nhận: Từ tháng 11/2024, Trần Thu T cho người khác vay tiền dưới hình thức "bát họ" để hưởng tiền lãi với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Cơ quan điều tra kiểm tra và thu giữ điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu xám bạc, số IMEI 1: 353650696560957, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Vina số thuê bao 0949048828 của Trần Thu T phát hiện tại ứng dụng tin nhắn Trần Thu T và thư viện ảnh có chứa các tin nhắn và hình ảnh nọi dung đốc thúc trả tiền và hình ảnh giấy vay tiền giữa người vay là Phương Thị N1, trú tại số G, đường Đ, phường C, thành phố L (nay là phường L, tỉnh Lạng Sơn), người cho vay là Trần Thu T.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 11/2024, Trần Thu T cho người khác vay tiền bằng hình thức vay bát họ và tính lãi theo ngày. Trần Thu T quy định một bát họ là 10.000.000đ, khi cho vay Trần Thu T cắt lãi luôn 2.000.000đ, người vay nhận về 8.000.000đ, phải trả gốc 10.000.000đ trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ, với lãi suất 4.000đ/triệu/ngày tương ứng 146%/năm. Hàng ngày Trần Thu T trực tiếp gọi điện thoại cho khách vay yêu cầu trả tiền lãi đúng hạn. Do khách vay tiền đều là những người quen biết nên khi vay Trần Thu T không yêu cầu phải cầm cố tài sản, giấy tờ. Trần Thu T cho vay bằng tiền mặt và thu nợ qua chuyển khoản vào số tài khoản 3510082653 Ngân hàng Thương mại cổ phần V (B1), mang tên Trần Thu T.

Từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2025, Trần Thu T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với 05 người:

1. Khoản vay của Nguyễn Thị N

- Ngày 13/11/2024, Trần Thu T cho Nguyễn Thị N vay 01 (một) bát họ với số tiền 10.000.000đ, khi cho vay Trần Thu T cắt lãi luôn 2.000.000đ, Nguyễn Thị N nhận về 8.000.000đ, phải trả gốc 10.000.000đ trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.975đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 04/01/2025, Trần Thu T cho Nguyễn Thị N vay 01(một) bát họ vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi

bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.975đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 09/3/2025, Trần Thu T cho Nguyễn Thị N vay 01 (một) bát họ. Đến ngày 14/4/2025, khi trả được 37 ngày thì Nguyễn Thị N xin đáo bát họ. Như vậy, đối với khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 37 ngày = 202.740đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 202.740đ = 1.786.260đ (một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

- Ngày 14/4/2025, Trần Thu T cho Nguyễn Thị N vay 01 (một) bát họ. Ngày 22/5/2025, Trần Thu T cho chị Nguyễn Thị N đáo bát họ ngày 14/4/2025 khi đã trả được 39 ngày. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 39 ngày = 213.699đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 213.699đ = 1.786.301đ (một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng).

- Ngày 22/5/2025, Trần Thu T cho chị Nguyễn Thị N vay 01 (một) bát họ. Đối với khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng số tiền Trần Thu T đã cho Nguyễn Thị N vay là 50.000.000đ; tổng số tiền lãi thu 10.000.000đ (mười triệu đồng), trong đó tổng số lãi hợp pháp là 1.238.356đ (một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng), tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 8.761.644đ (tám triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Khoản vay của Phương Thị N1

Ngày 25/5/2025, Trần Thu T cho Phương Thị N1 vay 1,5 bát họ, cắt lãi trước 3.000.000đ và đưa cho Phương Thị N1 12.000.000đ, số T phải trả là 15.000.000đ, trong 50 ngày mỗi ngày 300.000đ. Khoản vay này Phương Thị N1 đã xong. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 15.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 410.959đ.

Tổng số tiền Trần Thu T cho Phương Thị N1 vay là 15.000.000đ; lãi thu 3.000.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 15.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 410.959đ, số tiền lãi bất hợp pháp là 3.000.000đ – 410.959đ = 2.589.041đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi mốt đồng).

3. Khoản vay của Bùi Kim T2

- Ngày 20/12/2024, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 vay 01(một) bát họ với số tiền 10.000.000đ, Trần Thu T cắt lãi luôn 2.000.000đ, đưa cho Bùi Kim T2 8.000.000đ, số tiền phải trả trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ;

số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 07/02/2025, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 vay 01 (một) bát họ vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Ngày 13/3/2025, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 đáo bát họ ngày 07/02/2025 khi đã đóng bát họ được 35 ngày. Đối với khoản vay 07/02/2025, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 35 ngày = 191.781đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 191.781đ = 1.808.219đ (một triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm hai mười chín đồng).

- Ngày 13/3/2025, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 vay 01 (một) bát họ với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Đối với khoản vay 01 bát họ, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 01/5/2025, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 vay 01 (một) bát họ vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ.

- Ngày 19/6/2025, Trần Thu T cho Bùi Kim T2 vay 01 (một) bát họ vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng số tiền Trần Thu T đã cho Bùi Kim T2 vay là 50.000.000đ; tổng số tiền lãi thu là 10.000.000đ (mười triệu đồng), trong đó tổng số lãi hợp pháp là 1.369.863đ, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 10.000.000đ – 1.287.671đ = 8.712.329đ (tám triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Hiện, Bùi Kim T2 còn nợ Trần Thu T 4.000.000đ.

4. Khoản vay của Nguyễn Thị Vân K

- Ngày 12/12/2024, Trần Thu T cho Nguyễn Thị Vân K vay 1,5 bát họ, cắt lãi trước 3.000.000đ và đưa cho Nguyễn Thị Vân K 12.000.000đ, số tiền Nguyễn Thị Vân K phải trả là 15.000.000đ, trong 50 ngày mỗi ngày 300.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 15.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 410.959đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 3.000.000đ – 410.962,5đ = 2.589.041đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Ngày 10/3/2025, Trần Thu T cho Nguyễn Thị Vân K vay 1,5 bát họ, cắt lãi trước 3.000.000đ và đưa cho Nguyễn Thị Vân K 12.000.000đ, số tiền Nguyễn Thị Vân K phải trả là 15.000.000đ, trong 50 ngày mỗi ngày 300.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 15.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 410.959đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 3.000.000đ – 410.962,5đ = 2.589.041đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Ngày 28/4/2025, Trần Thu T cho Nguyễn Thị Vân K vay 1,5 bát họ, cắt lãi trước 3.000.000đ và đưa cho Nguyễn Thị Vân K 12.000.000đ, số tiền Nguyễn Thị Vân K phải trả là 15.000.000đ, trong 50 ngày mỗi ngày 300.000đ và Nguyễn Thị Vân K đã trả xong bát họ này. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 15.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 410.959đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 3.000.000đ – 410.962,5đ = 2.589.041đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

Tổng số tiền Trần Thu T đã cho Nguyễn Thị Vân K vay là 45.000.000đ; tổng số tiền lãi thu 9.000.000đ (chín triệu đồng), trong đó tổng số lãi hợp pháp là 1.232.877đ (một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng); tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 7.767.123đ (bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

5. Khoản vay của Phạm Thanh H

- Ngày 13/12/2024, chị Phạm Thanh H vay Trần Thu T 01 bát họ tương đương 10.000.000đ, Trần Thu T cắt lãi 2.000.000đ đưa cho Phạm Thanh H 8.000.000đ, Phạm Thanh H phải trả đủ cho Trần Thu T số tiền 10.000.000đ trong 50 ngày. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 31/01/2025 Phạm Thanh H vay thêm 01 bát họ mới và vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 21/3/2025 Phạm Thanh H vay thêm 01 bát họ mới, vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 09/5/2025 Phạm Thanh H vay thêm 01 bát họ mới, vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 27/6/2025 Trần Thu T cho Phạm Thanh H vay 01 bát họ mới, vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 15/8/2025 Trần Thu T cho Phạm Thanh H vay 01 bát họ mới, vẫn với cách thức tính tiền lãi và tiền cho vay như trên. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần

Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 23/10/2025 Trần Thu T cho Phạm Thanh H vay 01 bát họ mới, đến ngày 21/11/2025 Phạm Thanh H đáo bát họ trước và vay thêm 01 bát họ, Trần Thu T vẫn cắt lãi 2.000.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 30 ngày = 164.384đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 164.384đ = 1.835.616đ (một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Ngày 21/11/2025, Phạm Thanh H vay 01 bát họ, Trần Thu T cắt lãi 2.000.000đ và 3.000.000đ tiền nợ, còn giải Phương Thị N1 5.000.000đ, Phạm Thanh H trả tiền cho Trần Thu T đến ngày 14/12/2025 là 5.200.000đ. Để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho Trần Thu T, Cơ quan điều tra xác định Trần Thu T được hưởng lãi hợp pháp là 50 ngày. Số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 10.000.000đ x 547,95đ x 50 ngày = 273.973đ; số tiền lãi bất hợp pháp là 2.000.000đ – 273.973đ = 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Như vậy, Trần Thu T cho Phạm Thanh H vay 08 bát họ với tổng số tiền 80.000.000đ; tổng số tiền thu lãi là 16.000.000đ, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Thu T được hưởng là 2.082.192đ số tiền thu lợi bất hợp pháp là 16.000.000đ - 2.082.192đ = 13.917.808đ (mười ba triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng). Hiện, Phạm Thanh H còn nợ Trần Thu T 5.200.000đ.

Tổng số tiền Trần Thu T đã cho Nguyễn Thị N, Phương Thị N1, Bùi Kim T2, Nguyễn Thị Vân K và Phạm Thanh H vay là 240.000.0000đ, tổng số tiền lãi thu là 48.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 6.252.055đ, tiền thu lợi bất hợp pháp là 41.747.945đ.

Ngoài những người vay trên, Trần Thu T còn cho những người khác vay tiền tuy nhiên không có dấu hiệu tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (người vay Nguyễn Ngọc B, Ngô Hùng C1, Hoàng Thị N2, Hoàng Thị Ơ, Nguyễn Thị Ánh H1) và không có mặt ở nơi cư trú nên không có căn cứ để xác minh làm rõ trong vụ án này (Nguyễn Thị Chung T3, Vũ Thị X, Lý Thu H2, Lành Thị H3).

Cáo trạng số 143/CT-VKSKV1 ngày 11/3/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, truy tố bị cáo Trần Thu T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo bị cáo Trần Thu T ban đầu trình bày, bị cáo chỉ cho vay 10.000.000đ trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày người vay trả bị cáo 200.000đ tiền gốc và chỉ trả thêm bị cáo 500.000đ đến 1.000.000đ gọi là cảm ơn. Sau đó, qua phần xét hỏi, thẩm vấn công khai, bị cáo đã thừa nhận việc bị cáo cho vay lãi nặng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thu T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dung khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, 50, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử phạt bị cáo Trần Thu T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000đ đến 70.000.000đ. Truy thu từ bị cáo Trần Thu T số tiền gốc cho vay đã thu được về là 230.800.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng); truy thu từ chị Bùi Kim T2 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng); truy thu từ chị Phạm Thanh H số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng); Truy thu bị cáo số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định là 6.252.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu xám bạc, số IMEI 1: 353650696560957, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Vina số thuê bao 0949048828. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo có ý kiến xin lại chiếc điện thoại di động bị thu giữ với lý do bị cáo chỉ sử dụng điện thoại đó để nhắc nhở người vay trả tiền một vài lần.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, điện thoại di động thu giữ bị cáo sử dụng để liên lạc, nhắc người vay trả tiền, được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội. Trong quá trình điều tra đã xác minh làm rõ, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận nội dung này. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, điện thoại trên cần phải bị tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước

Trong lời nói sau cùng bị cáo Trần Thu T trình bày bị cáo biết việc làm của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản sự việc và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2025, Trần Thu T đã cho Nguyễn Thị N, Phương Thị N1, Bùi Kim T2, Nguyễn Thị Vân K và Phạm Thanh H vay lãi tổng số tiền 240.000.000 đồng, dưới hình thức vay "bát họ", mỗi bát họ là 10.000.000đ, khi vay người vay chỉ được nhận 8.000.000đ, do 2.000.000đ bị Trần Thu T cắt lãi trước, người vay phải trả bị cáo 10.000.000đ trong vòng 50 ngày. Như vậy, lãi suất bị cáo cho vay là 146% (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Với số tiền gốc cho vay 240.000.000đ, bị cáo đã hưởng lợi số tiền 48.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp 6.252.055 đồng, thu lợi bất chính 41.747.945 đồng. Có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn, điêu đứng. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận trước mắt, muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài bị cáo đã phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa, ban đầu bị cáo trình bày quanh co nhưng sau đó đã thành khẩn khai báo. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn quyết định cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự ở mức độ tương đối. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo tự nguyện hoàn trả tiền thu lời bất chính cho các bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

[8] Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với mức phạt từ 80.000.000đ đến 100.000.000đ có thể đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[10.1] Số tiền gốc bị cáo Trần Thu T cho vay lãi nặng cần truy thu sung ngân sách Nhà nước, trong đó bị cáo đã thu về 230.800.000đ nên cần truy thu số

tiền này từ bị cáo; số tiền gốc Bùi Kim T2 và Phạm Thanh H còn nợ bị cáo cần truy thu từ những người này (trong đó truy thu từ Bùi Kim T2 4.000.000đ, truy thu từ Phạm Thanh H 5.200.000đ).

[10.2] Số tiền lãi bị cáo Trần Thu T đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (số tiền 6.252.000đ) theo quy định của Bộ luật Dân sự là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[10.3] Số tiền lãi bị cáo Trần Thu T đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 41.748.000 đồng, bị cáo đã trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa liên quan đến vụ án là phù hợp, nên cần ghi nhận nội dung này.

[14] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu xám bạc, số IMEI 1: 353650696560957, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Vina số thuê bao 0949048828, bị cáo sử dụng để liên lạc đốc thúc người vay trả tiền, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn cơ bản phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên về mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy, tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mục đích chủ yếu vì lợi nhuận cao. Việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền làm cho mục đích của hành vi phạm tội bị vô hiệu hóa, hành vi cho vay lãi nặng trở nên không còn lợi nhuận, từ đó ngăn chặn hành vi tái phạm và giúp nhà nước thu hồi lại số tiền thu lợi bất chính, góp phần xử lý hậu quả kinh tế do tội phạm gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo. Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Trần Thu T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp

- Truy thu bị cáo Trần Thu T số tiền gốc cho vay đã thu được về là 230.800.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Truy thu chị Bùi Kim T2 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ Phạm Thanh H số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Truy thu bị cáo số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định là 6.252.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng

Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu xám bạc, số IMEI 1: 353650696560957, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Vina số thuê bao 0949048828

(Vật chứng được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn).

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Thu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV1-Lạng Sơn;
- CQTHAHS CAT.Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT.Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 1-Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Nhàn